

Bản án số: **43/2019/HS-ST**

Ngày: 02/8/2019

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các Hội thẩm nhA dà: Ông **Trương Công Khánh**

Ông **Huỳnh Hưng**

Bà **Trần Thị Thu Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhA dà thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dà thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như P** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhA dà thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Bích A, sinh ngày 30/6/1981 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 1x, phường M, quận N, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; DA tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị H (cả 2 đều đã chết), có chồng là Trần Văn A (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 01/10/2018, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Bích A: Ông **Bùi XuA Nam** – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Anh Nam thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án, có mặt.

- Người bị hại:

+ Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 34x/x/x đường D, phường x, quận x, TP Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 3xx đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số nhà 3xx đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số nhà 1x đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Phạm Huy Q**, sinh ngày 23/4/1986; Nơi cư trú: 4xx đường D, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông **Dương Đức T**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: 6x đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà **Trần Nguyễn Thị Hoàng A**, sinh ngày 29/11/1981; Nơi cư trú: Số nhà 5x/2xx đường L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông **Trần Văn A**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Kiệt 1xx đường P, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà **Trần Thị Sa T**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ 1x, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Mai V**, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1x, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: 3x đường C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà **Lê Thị Kim D**, sinh năm 1945; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3xx/6x đường D, phường x, quận x, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: 3xx/x/xC đường D, phường x, quận x, TP Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, Trần Bích A có quen biết với Nguyễn Phạm Huy Q, Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Duy P. Trong thời gian quen biết nhau, nhằm tạo niềm tin để chiếm đoạt tài sản, A đã nói dối mình đang làm Phó giám đốc VietnamAirline, có mẹ tên là H làm ở Bộ Công an với cấp hàm Thiếu tướng. Gia đình A có quan hệ với một số lãnh đạo Nhà nước và Thành ủy

Đà Nẵng cùng nhiều mối quan hệ khác, A còn giới thiệu mình là chủ khách sạn M (Số 1XX đường N – TP Đà Nẵng) và cơ sở Massage A Spa (địa chỉ: 0X đường H – TP Đà Nẵng). Sau đó, A dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích T số tiền 639.800.000 đồng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016, thông qua Nguyễn Quang H (là em ruột T) và Nguyễn Phạm Huy Q, chị Nguyễn Thị Bích T quen biết A. Qua những lần qua lại với nhau, mặc dù A không có khả năng giúp chị T mở phòng vé máy bay cũng như lượng khách hàng. Nhưng A đã hứa hẹn với chị T sẽ giúp chị T mở phòng vé máy bay để bán vé cho khách đoàn thường xuyên đi công tác của Ủy ban nhA dA TP Đà Nẵng và yêu cầu chị T đưa tiền cho A nhiều lần với tổng số tiền 430.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị T, A không làm gì cả mà chiếm đoạt số tiền này. Cũng trong thời gian này, A còn gian dối với chị T là có đợt xe ô tô và xe máy thanh lý của UBND thành phố cần người chung vốn để mua xe và yêu cầu chị T đưa số tiền 172.000.000 đồng rồi chiếm đoạt. Ngoài ra cũng vào khoảng tháng 11/2016, khi biết chị T đi làm giấy tờ thủ tục chuyển đổi đất trồng cây thành đất ở tại quận T, A nói dối với chị TT là có quen biết với người của UBND thành phố có thể làm được và yêu cầu chị TT đưa số tiền 37.800.000 đồng, rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhA. Tổng số tiền mà A đã chiếm đoạt của chị T là 639.800.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của Nguyễn Quang H số tiền 391.000.000 đồng:

Khoảng tháng 8 năm 2016, Trần Bích A nói với H là Công an TP Đà Nẵng có bán xe ô tô Accent Blue với giá rẻ là 230.000.000 đồng. A nói H đưa trước 50.000.000 đồng để làm thủ tục giữ xe. Tiếp tục, A yêu cầu H đưa tiền nhiều lần để làm đăng kiểm và biển số đẹp, làm thủ tục nhận xe... Tổng cộng A đã chiếm đoạt số tiền 229.000.000 đồng. Cũng trong khoảng thời gian này A nói dối là Công an thành phố cũng đang bán một xe Jeep thanh lý với giá 25.000.000 đồng cộng thêm tiền đăng kiểm là 7.000.000 đồng rồi chiếm đoạt của anh H số tiền 32.000.000 đồng. Đầu tháng 9/2016, A nói dối với anh H có mối quan hệ có thể mua bãi xe thanh lý với giá rẻ rồi chiếm đoạt của H số tiền 40.000.000 đồng. Đầu tháng 10, A lại nói với anh H có thêm một bãi xe tải với khoảng 30 chiếc cần thanh lý với số tiền 40.000.000 đồng yêu cầu anh H đưa số tiền này rồi chiếm đoạt. Đến ngày 16/10/2016, A tiếp tục nói với anh H là mẹ A còn dư 03 lô đất trống trong dự án dành cho người nghèo và gợi ý H đưa 50.000.000 đồng mua 01 lô đất trên rồi chiếm đoạt. Tổng cộng A đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang H số tiền 391.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy P số tiền 50.000.000 đồng:

Cũng với thủ đoạn tương tự như trên, từ tháng 4/2016 đến tháng 10/2016, Trần Bích A gian dối với anh Nguyễn Duy P, nói dối giúp anh P mua đất giá rẻ, chiếm đoạt của anh P 50.000.000 đồng. Ngoài ra anh P khai có đưa cho A số tiền 42.000.000đ để làm visa đi du lịch ở Mỹ giúp P. Bản thân A chỉ thừa nhận có nhận của anh P 12.000.000 đồng để lo các thủ tục như dịch thuật, mua vé máy bay và đăng ký làm Visa cho anh P đi Mỹ, A không thừa nhận đã nhận tiền của anh P cho các khoản khác. Cơ quan điều tra đã cho tiến hành đối chất giữa A và P nhưng A cũng không thừa nhận. Tuy nhiên đoạn băng ghi âm giữa anh P và A, Nguyễn Quang H và A trong đó có thể hiện việc trao đổi qua lại giữa anh P và A, H và A thể hiện A đã nhận của P tám mươi mấy triệu đồng (Trong đó 50.000.000đ là tiền mua đất, còn lại là tiền làm visa). Đồng thời khi P giao tiền cho A có sự chứng kiến của Nguyễn Quang H, Nguyễn Phạm Huy Q, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Mai V.

Trong quá trình điều tra Trần Bích A không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên các bị hại là Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy P đã ghi âm lại các cuộc hội thoại giữa họ với Trần Bích A. Trong đó A xác nhận việc nhận các lần nhận tiền nêu trên. Bản thân A cũng đã viết một giấy xác nhận nợ các khoản tiền mà chị T đã đưa cho A. Các nội dung ghi âm và giấy xác nhận do A viết đã được họ giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 29/5/2017, Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng đã ra quyết định trưng cầu giám định số 134/PC45-Đ4 trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy nhận tiền ngày 27/12/2016. Tại bản kết luận giám định số 333/GĐ-HS ngày 22/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng đã kết luận: Chữ viết mang tên Trần Bích A trên các tài liệu cần giám định với chữ viết đứng tên Trần Bích A trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Ngày 21/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng ra các Quyết định trưng cầu giám định số 151/PC45-Đ4 ngày 15/6/2017 và số 163/PC45-Đ4 ngày 21/6/2017 trưng cầu giám định các file âm thanh mà anh Nguyễn Duy P, Nguyễn Quang H và Nguyễn Thị Bích T đã ghi âm khi trao đổi với A về các nội dung liên quan đến việc trao đổi giao dịch, hứa hẹn giữa các bên. Tại Bản kết luận giám định số 3179/C54-P6 ngày 03/4/2018, Bản kết luận giám định số 3198/C54-P6 và 3199/C54-P6 ngày 31/5/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an đã kết luận giọng nói trong các file ghi âm là của P, T, H và A.

Tang vật thu giữ:

+ 03 (ba) đĩa ghi âm các cuộc điện thoại do Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Quang H và Nguyễn Duy P cung cấp;

+ 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Thị Bích T (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập);

+ 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Duy P (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập);

+ 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Quang H (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập);

+ 01 (một) đĩa ghi âm và 01 (một)USB ghi âm giọng nói của Trần Bích A (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập).

Với nội dung trên, tại Bản cáo trạng số 08/2019/CT-VKS-P3 ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Bích A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai và tuyên trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Bích A khai nhận đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Quang H như cáo trạng của VKS đã truy tố. Đối với trường hợp của anh Nguyễn Duy P, bị cáo chỉ chiếm đoạt 50.000.000đ qua việc nhận tiền để mua đất còn tiền làm visa bị cáo không chiếm đoạt. Bị cáo không gian dối chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Phạm Huy Q, chị Trần Nguyễn Thị Hoàng A, anh Dương Thanh Đ, tiền bị cáo nhận của anh Đ là tiền vay mượn. Bị cáo đã thấy được sai phạm của mình nên tác động gia đình nộp một số tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Bích A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo cáo số 08/2019/CT-VKS-P3 ngày 19/02/2019. Tuy nhiên xác định lại số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy P là 50.000.000đ và tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trong vụ án là 1.080.800.000đ. Riêng số tiền 42.000.000đ bị cáo A nhận của anh P để làm visa cho anh P, bị cáo không chiếm đoạt vì thực tế bị cáo đã có mua hồ sơ và làm thủ tục, đưa anh P đi Hà Nội phỏng vấn để làm visa nên rút truy tố đối với bị cáo A về khoản tiền 42.000.000đ này. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bích A mức án từ 07 – 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho những người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý như đã đề cập tại bản cáo trạng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Bích A thống nhất về tội danh, điều khoản mà cáo trạng đã truy tố bị cáo và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên luật sư cho rằng mức án mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra do nhận thức pháp luật nên bị cáo chưa thành khẩn, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp một số tiền để bồi thường cho những người bị hại. Hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng đã ly hôn, con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho họ và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo Trần Bích A, lời khai của những người bị hại, người làm chứng, giấy nhận tiền, nội dung các file ghi âm, kết luận giám định về giọng nói của bị cáo, người bị hại, người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 10 năm 2016, Trần Bích A đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật như: A tự giới thiệu mình là người có tài sản - là chủ khách sạn M và cơ sở Massage A Spa; bản thân A là người có chức vụ, có địa vị xã hội (hiện đang làm Phó giám đốc VietnamAirline); A có người thân là cán bộ cấp cao, có mối quan hệ với một số Lãnh đạo Trung ương và thành phố Đà Nẵng và A nói dối với những người bị hại là A có khả năng xin mở được phòng vé máy bay cũng như đảm bảo được lượng khách mua vé; Xin mua được xe do UBND thành phố và Công an thành phố bán thanh lý với giá rẻ; Có khả năng mua đất do thành phố bán với giá rẻ, làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo rồi chiếm đoạt. Với phương thức và thủ đoạn trên, Trần Bích A đã chiếm đoạt của: Chị Nguyễn Thị Bích T số tiền 639.800.000 đồng; anh Nguyễn Quang H 391.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy P 50.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của 03 bị hại với tổng số tiền 1.080.800.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Trần Bích A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại là anh Nguyễn Duy P cho rằng bị cáo A còn chiếm đoạt số tiền 42.000.000đ của anh qua việc nhận làm visa cho anh. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của bị cáo, của anh P và những người làm chứng khác tại phiên tòa ngày 14/5/2019 và phiên tòa hôm nay thể hiện thực tế bị cáo A có chi phí làm thủ tục hồ sơ (mua hồ sơ, làm hồ sơ phỏng vấn, dịch thuật) và chi phí đi lại bằng máy bay, ăn ở, khách sạn cho anh P và bạn bè của anh P tại Hà Nội, để anh P được phỏng vấn làm visa. Do đó không có cơ sở quy kết bị cáo gian dối chiếm đoạt số tiền này của anh P. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút truy tố đối với bị cáo về khoản tiền 42.000.000đ này là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của nhiều người tổng cộng trên 01 tỷ đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an

xã hội. Ngoài tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo quy định tại g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo cần xử phạt thỏa đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ và quyết định hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại được số tiền 120.000.000 đồng, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng đã ly hôn, có con nhỏ, có hai chị ruột bị tàn tật. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa những người bị hại yêu cầu buộc bị cáo Trần Bích A bồi thường lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho họ. Xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo Trần Bích A phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền 639.800.000 đồng; anh Nguyễn Quang H số tiền 391.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy P số tiền 50.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 03 (ba) đĩa ghi âm các cuộc điện thoại do Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Quang H và Nguyễn Duy P cung cấp; 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Thị Bích T (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập); 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Duy P (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập); 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Quang H (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập); 01 (một) đĩa ghi âm và 01 (một) USB ghi âm giọng nói của Trần Bích A (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập). Đây là chứng cứ quan trọng của vụ án, cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Đối với những người liên quan có đơn tố cáo Trần Bích A gồm:

Anh Nguyễn Phạm Huy Q tố cáo bị cáo A nói dối giúp Q mua đất, mua nhà chung cư, sau đó A nhận và chiếm đoạt của anh Q số tiền 1.858.800.000 đồng nhưng bị cáo A không thừa nhận, anh Q không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào ngoài đơn

tổ cáo nên không có căn cứ để quy buộc A đã chiếm đoạt của anh Q số tiền nêu trên. Liên quan đến anh Nguyễn Phạm Huy Q, gia đình bị cáo A có cung cấp một giấy vay tiền ngày 15/7/2016 do Q viết và ký tên xác nhận việc vay tiền của A. Xét thấy đây chỉ là quan hệ dân sự (vay mượn) nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Anh Dương Thành Đ tố cáo: Vào năm 2015 A hứa hẹn xin cho anh Đ vào làm việc cho một cơ quan nhà nước rồi chiếm đoạt số tiền 140.000.000 đồng. Tài liệu chứng cứ thu thập được là các tờ giấy chuyển tiền do anh Đ cung cấp và nội dung chuyển tiền thể hiện là “Chuyển cho chị A vay”. Bản thân A có thừa nhận quen biết anh Đ và có vay mượn số tiền 140.000.000 đồng để làm ăn. Sau đó có trả lại cho anh Đ nhưng vì chỗ quen biết nên không viết giấy xác nhận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên, xét thấy đây là quan hệ dân sự (vay mượn) nên Cơ quan điều tra hướng dẫn anh Đ khởi kiện vụ án dân sự khác là có căn cứ.

Chị Trần Nguyễn Thị Hoàng A, có đơn tố cáo: Vào năm 2008 A giới thiệu mình là thanh tra sở y tế Đà Nẵng có thể mua các lô thuốc giá rẻ và nhận của chị A 150.000.000đ nhưng không thực hiện rồi chiếm đoạt số tiền này. Chị A không cung cấp thêm bất kỳ tài liệu nào có liên quan. Bản thân A không thừa nhận chiếm đoạt số tiền này. Do vậy không có căn cứ để quy buộc A chiếm đoạt số tiền nêu trên của chị A.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Bích A cho rằng anh Nguyễn Phạm Huy Q có tham gia cùng bị cáo chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Tuy nhiên, qua tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của người bị hại, người làm chứng, xét thấy chưa đủ căn cứ để quy kết anh Q tham gia phạm tội cùng bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Bích A phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Trần Bích A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: **Trần Bích A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 01/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 587, 589 Bộ luật DA sự 2015.

Tuyên buộc bị cáo Trần Bích A phải bồi thường cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Bích T số tiền 639.800.000 đồng;
- Anh Nguyễn Quang H số tiền 391.000.000 đồng;
- Anh Nguyễn Duy P số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 1.080.800.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Gia đình bị cáo đã nộp để bồi thường được 120.000.000 đồng. Còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 960.800.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Trần Bích A không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo phải chịu thêm khoản lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, Tuyên:

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án đối với các vật chứng gồm: 03 (ba) đĩa ghi âm các cuộc điện thoại do Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Quang H và Nguyễn Duy P cung cấp; 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Thị Bích T (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập); 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Duy P (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập); 02 (hai) đĩa ghi âm giọng nói của Nguyễn Quang H (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập); 01 (một) đĩa ghi âm và 01 (một) USB ghi âm giọng nói của Trần Bích A (mẫu so sánh - do cơ quan điều tra thu thập). *(Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án).*

Tiếp tục tạm giữ số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) mà gia đình bị cáo Trần Bích A nộp để khắc phục hậu quả tại các biên lai thu tiền số 666 ngày 15/02/20019 và biên lai thu số 682 ngày 22/3/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo cho những người bị hại.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Bích A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 40.824.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 46 - CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cảnh

